

**UBND QUẬN LONG BIÊN  
TRƯỜNG THCS BỒ ĐỀ  
NĂM HỌC 2022 - 2023**

**MỤC TIÊU, MA TRẬN, BẢN ĐẶC TẢ  
ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KỲ II  
MÔN: Lịch sử và Địa lí 7**

**I. MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức:**

- Trình bày đặc điểm của cơ cấu dân cư, di cư và đô thị hóa.
- Xác định được bộ phận Châu Đại Dương và các khu vực địa hình, khoáng sản
- Trình bày, phân tích đặc điểm thiên nhiên nổi bật Châu Nam Cực

**2. Năng lực:**

- Năng lực tư duy tổng hợp kiến thức.
- Năng lực tính toán, phân tích số liệu.
- Phân tích sự kiện, dữ liệu.
- Rèn luyện kỹ năng phát hiện, vận dụng những kiến thức đã học vào bài làm, kỹ năng xác định và trả lời đúng câu hỏi.
- Rèn kỹ năng phân tích, xác định, khai thác thông tin trên lược đồ.
- Tự học, tái hiện, phân tích, so sánh, nhận xét, đánh giá các vấn đề lịch sử.

**3. Phẩm chất:**

- Trung thực: học sinh có thái độ nghiêm túc khi làm bài, yêu thích môn học.

**II. MA TRẬN:**

**PHÂN MÔN: LỊCH SỬ**

| TT       | Chương/<br>Chủ đề  | Nội dung đơn vị<br>kiến thức  | Mức độ nhận thức, tổng điểm |    |                    |            |                  |            |                      |            | Tổng<br>%điểm                |
|----------|--|---|-----------------------------|----|--------------------|------------|------------------|------------|----------------------|------------|------------------------------|
|          |  |   | Nhận biết<br>(TNKQ)         |    | Thông hiểu<br>(TL) |            | Vận dụng<br>(TL) |            | Vận dụng cao<br>(TL) |            |                              |
|          |  |   | TNKQ                        | TL | TNKQ               | TL         | TNKQ             | TL         | TNKQ                 | TL         |                              |
| <b>1</b> | <b>CUỘC<br/>KHÁNG<br/>CHIẾN<br/>CHỐNG<br/>QUÂN<br/>XÂM<br/>LƯỢC<br/>TỔNG<br/>(1075-1077)</b> | 1.1. Cuộc kháng<br>chiến chống<br>Tổng giai đoạn<br>thứ nhất (1075)<br>1.2. Cuộc kháng<br>chiến chống<br>Tổng giai đoạn<br>thứ hai (1077) | <b>2TN</b>                  |    |                    |            |                  |            |                      |            | <b>5%<br/>(0,5 điểm)</b>     |
| <b>2</b> | <b>ĐẠI VIỆT<br/>THỜI<br/>TRẦN<br/>(1226-1400)</b>  | 2.1. Tình hình<br>chính trị<br>2.2. Tình hình<br>kinh tế, xã hội.<br>2.3. Tình hình<br>văn hóa  | <b>3TN</b>                  |    |                    |            |                  | <b>1TL</b> |                      |            | <b>17,5%<br/>(1,75 điểm)</b> |
| <b>3</b> | <b>BA LẦN<br/>KHÁNG<br/>CHIẾN<br/>CHỐNG<br/>QUÂN<br/>XÂM<br/>LƯỢC<br/>MÔNG-<br/>NGUYỄN</b>   | 3.1. Cuộc kháng<br>chiến chống<br>quân Mông Cổ<br>1258<br>3.2. Cuộc kháng<br>chiến chống<br>quân Nguyên                                   | <b>2TN</b>                  |    | <b>1TN</b>         | <b>1TL</b> |                  |            |                      | <b>1TL</b> | <b>22,5%<br/>(2,25 điểm)</b> |

|                       |   |   |                     |  |                     |  |                     |  |                     |                           |
|-----------------------|---|---|---------------------|--|---------------------|--|---------------------|--|---------------------|---------------------------|
|                       |   | 3.3. Nguyên nhân thắng lợi và ý nghĩa lịch sử   |                     |  |                     |  |                     |  |                     |                           |
| <b>4</b>              | <b>NƯỚC ĐẠI NGU THỜI HỒ (1400-1407)</b> | 4.1. Sự thành lập nhà Hồ<br>4.2. Một số nội dung và tác động của những cải cách của Hồ Quý Ly | <b>1TN</b>          |  | <b>1TN</b>          |  |                     |  |                     | <b>5%<br/>(0,5 điểm)</b>  |
| <b>Tỉ lệ</b>          |   |   | <b>20%</b>          |  | <b>15%</b>          |  | <b>10%</b>          |  | <b>5%</b>           | <b>50%</b>                |
| <b>Tổng hợp chung</b> |   |   | <b>40% (4 điểm)</b> |  | <b>30% (3 điểm)</b> |  | <b>20% (2 điểm)</b> |  | <b>10% (1 điểm)</b> | <b>100%<br/>(10 điểm)</b> |

### PHÂN MÔN: ĐỊA LÍ

| TT | Chương/<br>Chủ đề                   | Nội dung/Đơn vị kiến thức  | Mức độ nhận thức |             |          |              |
|----|-------------------------------------|--|------------------|-------------|----------|--------------|
|    |                                     |  | Nhận biết        | Thông hiểu  | Vận dụng | Vận dụng cao |
| 1  | <b>Châu Mĩ</b><br>0,75 điểm – 7,5 % | <ul style="list-style-type: none"> <li>– Vị trí địa lí, phạm vi châu Mĩ.</li> <li>– Hệ quả địa lí – lịch sử của việc phát kiến ra châu Mĩ.</li> <li>– Đặc điểm tự nhiên, dân cư, xã hội của các khu vực châu Mĩ (Bắc Mĩ, Trung và Nam Mĩ).</li> <li>– Phương thức con người khai thác, sử dụng và bảo vệ thiên nhiên ở các khu vực châu Mĩ.</li> </ul> | <b>2TN*</b>      | <b>1TN*</b> |          |              |
| 2  | <b>Châu Đại Dương</b>               | – Vị trí địa lí, phạm vi châu Đại Dương  |                  |             |          |              |

|                     |   |   |  |                          |               |               |
|---------------------|---|---|--|--------------------------|---------------|---------------|
|                     | 2,5 điểm – 25 %                           | <ul style="list-style-type: none"> <li>– Đặc điểm thiên nhiên của các đảo, quần đảo và lục địa Australia.</li> <li>– Một số đặc điểm dân cư, xã hội và phương thức con người khai thác, sử dụng và bảo vệ thiên nhiên.</li> </ul> | <b>2TN*</b>                            | <b>1TL</b>               | <b>1TL(a)</b> |               |
| 3                   | <b>Châu Nam Cực</b><br>1,75 điểm – 17,5 % | <ul style="list-style-type: none"> <li>– Diện tích của châu Nam Cực.</li> <li>– Lịch sử phát kiến châu Nam Cực.</li> <li>– Đặc điểm tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên của châu Nam Cực.</li> </ul>                               | <b>1TN</b><br><b>1TN</b><br><b>2TN</b> | <b>1TN*</b>              |               | <b>1TL(b)</b> |
| <b>Tỉ lệ %</b>      |   |   | <b>20</b>                              | <b>15</b>                | <b>10</b>     | <b>5</b>      |
| <b>Tỉ lệ chung</b>  |   |   | <b>40%</b>                             | <b>30%</b>               | <b>20%</b>    | <b>10%</b>    |
| <b>Tổng số câu</b>  |   |   | <b>16TN</b>                            | <b>4TN</b><br><b>2TL</b> | <b>2TL</b>    | <b>2TL</b>    |
| <b>Tổng số điểm</b> |   |   | <b>4</b>                               | <b>3</b>                 | <b>2</b>      | <b>1</b>      |

### III. BẢN ĐẶC TẢ

#### PHÂN MÔN: LỊCH SỬ

| T<br>T | Nội dung kiến thức/Kỹ năng                  | Đơn vị kiến thức  | Mức độ kiến thức/kỹ năng cần kiểm tra, đánh giá   | Số câu hỏi theo mức độ nhận thức |            |          |              |
|--------|---|---|---|----------------------------------|------------|----------|--------------|
|        |   |   |   | Nhận biết                        | Thông hiểu | Vận Dụng | Vận dụng cao |
| 1      | <b>CUỘC KHÁNG CHIẾN CHỐNG QUÂN XÂM LƯỢC</b> | 1.1. Cuộc kháng chiến chống Tống giai đoạn thứ nhất (1075)<br>1.2. Cuộc kháng chiến chống Tống giai đoạn thứ hai (1077) | <b>Nhận biết</b><br>- Nêu được cuộc kháng chiến chống Tống giai đoạn thứ nhất 1075<br>- Nêu được cuộc kháng chiến chống Tống giai đoạn thứ hai 1077 | 2TN                              |            |          |              |

|                        |   |   |   |            |            |            |            |
|------------------------|---|---|---|------------|------------|------------|------------|
|                        | <b>TỔNG<br/>(1075-1077)</b>   |   |   |            |            |            |            |
| 2                      | <b>ĐẠI VIỆT<br/>THỜI<br/>TRẦN<br/>(1226-1400)</b>   | 2.1. Tình hình chính trị<br>2.2. Tình hình kinh tế,<br>xã hội.<br>2.3. Tình hình văn hóa  | <b>Nhận biết</b><br>- Trình bày tình hình chính trị dưới thời Trần<br>- Nêu được tình hình kinh tế, xã hội<br>- Trình bày tình hình văn hóa dưới thời Trần<br><b>Vận dụng</b><br>- Phân tích được tình hình văn hóa dưới thời Trần  | 3TN        |            | 1TL        |            |
| 3                      | <b>BA LẦN<br/>KHÁNG<br/>CHIẾN<br/>CHỐNG<br/>QUÂN<br/>XÂM<br/>LƯỢC<br/>MÔNG -<br/>NGUYỄN</b> | 3.1. Cuộc kháng chiến<br>chống quân Mông Cổ<br>1258<br>3.2. Cuộc kháng chiến<br>chống quân Nguyên<br>3.3. Nguyên nhân thắng<br>lợi và ý nghĩa lịch sử | <b>Nhận biết</b><br>- Trình bày được cuộc kháng chiến<br>chống quân Mông Cổ 1258<br>- Trình bày được cuộc kháng chiến<br>chống quân Nguyên<br><b>Thông hiểu</b><br>- Hiểu được quá trình kháng chiến<br>chống quân Nguyên 1287-1288<br>- Hiểu được nguyên nhân thắng lợi của<br>ba lần kháng chiến chống Mông-<br>Nguyên<br><b>Vận dụng cao</b><br>- Liên hệ rút ra bài học kinh nghiệm | 2TN        | 1TN<br>1TL |            | 1TL        |
| 4                      | <b>NƯỚC ĐẠI<br/>NGU THỜI<br/>HỒ<br/>(1400-1407)</b>   | 4.1. Sự thành lập nhà<br>Hồ<br>4.2. Một số nội dung và<br>tác động của những cải<br>cách của Hồ Quý Ly  | <b>Nhận biết</b><br>- Nêu được một số nội dung và tác động<br>của những cải cách của Hồ Quý Ly<br><b>Thông hiểu</b><br>- Hiểu được sự thành lập nhà Hồ  | 1TN        | 1TN        |            |            |
| <b>Số câu/loại câu</b> |   |   |   | <b>8TN</b> | <b>2TN</b> | <b>1TL</b> | <b>1TL</b> |

|                                      |             |            |            |            |            |
|--------------------------------------|-------------|------------|------------|------------|------------|
|                                      |             |            | <b>1TL</b> |            |            |
| <b>Tỉ lệ % từng mức độ nhận biết</b> |             | <b>20</b>  | <b>15</b>  | <b>10</b>  | <b>5</b>   |
| <b>Tỉ lệ chung</b>                   | <b>100%</b> | <b>40%</b> | <b>30%</b> | <b>20%</b> | <b>10%</b> |

### PHÂN MÔN: ĐỊA LÍ

| TT | Chương/<br>Chủ đề                         | Nội dung/Đơn vị kiến thức  | Mức độ đánh giá  | Số câu hỏi theo mức độ nhận thức |                   |                 |                     |
|----|---|--|--|----------------------------------|-------------------|-----------------|---------------------|
|    |   |  |  | <i>Nhận biết</i>                 | <i>Thông hiểu</i> | <i>Vận dụng</i> | <i>Vận dụng cao</i> |
| 1  | <b>Châu Mỹ.</b><br>(0,75 điểm<br>– 7,5 %) | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Vị trí địa lí, phạm vi của châu Mỹ.</li> <li>- Hệ quả địa lí – lịch sử của việc phát kiến ra châu Mỹ.</li> <li>- Kinh tế Bắc Mỹ.</li> </ul> | <p><b>Nhận biết</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>– Trình bày khái quát về vị trí địa lí, phạm vi châu Mỹ.</li> <li>- Biết được hệ quả, lịch sử của việc phát kiến ra châu Mỹ.</li> <li>– Xác định được trên bản đồ một số trung tâm kinh tế quan trọng ở Bắc Mỹ.</li> <li>– Trình bày được đặc điểm của rừng nhiệt đới Amazon.</li> </ul>  | 1TN*                             |                   |                 |                     |
|    |   |  | <ul style="list-style-type: none"> <li>– Đặc điểm tự nhiên, dân cư, xã hội của các khu vực châu Mỹ (Bắc Mỹ, Trung và Nam Mỹ).</li> </ul> <p><b>Thông hiểu</b></p> <p>Hiểu được sự độc đáo của nền văn hóa Mỹ La-tinh.</p> <p><b>Vận dụng</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>– Phân tích được vấn đề khai thác, sử dụng và bảo vệ thiên nhiên ở Trung và Nam Mỹ thông qua trường hợp</li> </ul> | 1TN*                             | 1TN*              |                 |                     |

|   |   |  |  |      |     |        |  |
|---|---|--|--|------|-----|--------|--|
|   |   | bảo vệ thiên nhiên ở các khu vực châu Mỹ.  | rừng Amazon.   |      |     |        |  |
| 2 | <b>Châu Đại Dương</b><br>(2,5 điểm – 25 %)  | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Vị trí địa lí, hình dạng và kích thước của châu Đại Dương.</li> <li>- Đặc điểm thiên nhiên của các đảo, quần đảo và lục địa Ô-xtrây-li a.</li> <li>- Một số đặc điểm dân cư, xã hội và phương thức con người khai thác, sử dụng và bảo vệ thiên nhiên.</li> </ul> | <p><b>Nhận biết</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Xác định được các bộ phận của châu Đại Dương; vị trí địa lí, hình dạng và kích thước lục địa Ô-xtrây-li a.</li> <li>- Xác định được trên bản đồ các khu vực địa hình và khoáng sản.</li> <li>- Trình bày được các đặc điểm tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên của lục địa Asutralia.</li> <li>- Trình bày được đặc điểm dân cư, một số vấn đề về lịch sử và văn hoá độc đáo của Ô-xtrây-li a.</li> </ul> <p><b>Thông hiểu</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Phân tích được đặc điểm khí hậu Australia, những nét đặc sắc của tài nguyên sinh vật ở Ô-xtrây-li a.</li> </ul> <p><b>Vận dụng cao</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Phân tích được phương thức con người khai thác, sử dụng và bảo vệ thiên nhiên ở Ô-xtrây-i a..</li> </ul> | 1TN* |     |        |  |
|   |   |  |  | 1TN  | 1TL | 1TL(a) |  |
| 3 | <b>Châu Nam Cực</b><br>(1,75 điểm – 17,5 %) | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Vị trí địa lí châu Nam Cực.</li> <li>- Diện tích của châu Nam</li> </ul>  | <p><b>Nhận biết</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trình bày được đặc điểm vị trí địa lí của châu Nam Cực.</li> <li>- Trình bày được diện tích của châu</li> </ul>   | 1TN  |     |        |  |

|                        |  |   |                        |                                    |                         |                         |
|------------------------|--|---|------------------------|------------------------------------|-------------------------|-------------------------|
|                        | <p>Cực.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>– Lịch sử phát kiến châu Nam Cực.</li> <li>– Đặc điểm tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên của châu Nam Cực.</li> </ul> | <p>Nam Cực.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>– Trình bày được lịch sử khám phá và nghiên cứu châu Nam Cực.</li> <li>– Trình bày được đặc điểm thiên nhiên nổi bật của châu Nam Cực: địa hình, khí hậu, sinh vật.</li> </ul> <p><b>Thông hiểu</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>– Nguyên nhân châu Nam Cực có nhiều gió bão nhất.</li> </ul> <p><b>Vận dụng cao</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>– Mô tả được kịch bản về sự thay đổi của thiên nhiên châu Nam Cực khi có biến đổi khí hậu toàn cầu.</li> </ul> | <p>1TN</p> <p>2TN</p>  | <p>1TN*</p>                        |                         | <p>1 TL(b)</p>          |
| <b>Số câu/loại câu</b> |  |   | <b>8 câu<br/>TNKQ</b>  | <b>2 câu<br/>TNKQ<br/>1 câu TL</b> | <b>1 câu (a)<br/>TL</b> | <b>1 câu<br/>(b) TL</b> |
| <b>Tỉ lệ %</b>         |  |   | <b>20</b>              | <b>15</b>                          | <b>10</b>               | <b>5</b>                |
| <b>Tổng số câu</b>     |  |   | <b>16 câu<br/>TNKQ</b> | <b>4 câu TN<br/>2 câu TL</b>       | <b>2 câu TL</b>         | <b>2 câu<br/>TL</b>     |
| <b>Tổng tỉ lệ</b>      |  |   | <b>40</b>              | <b>30</b>                          | <b>20</b>               | <b>10</b>               |









**Câu 11. Để khích lệ tinh thần chiến đấu của quân sĩ, Lý Thường Kiệt đã làm gì?**

- A. Sáng tác bài thơ “Nam quốc sơn hà”.
- B. Tập chung tiêu diệt nhanh quân Tống
- C. Ban thưởng cho binh lính.
- D. Cấp ruộng đất và vàng bạc cho binh lính.

**Câu 12. Tầng lớp đông đảo nhất trong xã hội nhà Trần là**

- A. công nhân
- B. nông dân.
- C. nô tì.
- D. thợ thủ công.

**Câu 13. Quân ta đã hạ thành Ung Châu sau bao nhiêu ngày?**

- A. 42 ngày.
- B. 43 ngày.
- C. 44 ngày.
- D. 45 ngày.

**Câu 14. Ai là thầy giáo, nhà Nho dưới thời Trần được triều đình trọng dụng nhất?**

- A. Trương Hán Siêu.
- B. Phạm Sư Mạnh
- C. Nguyễn Hiền.
- D. Chu Văn An.

**Câu 15. Ai đã nhường ngôi cho Trần Cảnh?**

- A. Lý Bí.
- B. Lý Thường Kiệt.
- C. Lý Chiêu Hoàng.
- D. Lý Huệ Tông.

**Câu 16. “Đầu thần chưa rơi xuống đất, xin bệ hạ đừng lo.” là câu nói của ai?**

- A. Trần Thủ Độ.
- B. Trần Hưng Đạo.
- C. Trần Quốc Tuấn.
- D. Trần Quốc Toản.

**Câu 17. Quốc hiệu nước ta dưới thời nhà Hồ là**

- A. Đại Cồ Việt.
- B. Đại Nam.
- C. Đại Ngu.
- D. Đại Việt.

**Câu 18. Khi quân Nguyên tiến vào Thăng Long nhân dân ta đã thực hiện kế hoạch gì?**

- A. Vườn không nhà trống.
- B. Đánh du kích.
- C. Đánh trực tiếp.
- D. Nghi binh.

**Câu 19. Nhà Hồ thành lập vào thời gian nào?**

- A. 1400.
- B. 1401.
- C. 1406.
- D. 1407.

**Câu 20. Trước thế giặc mạnh, nhà Trần đã rút quân về đâu?**

- A. Hoa Lư.
- B. Cổ Loa.
- C. Thanh Hóa.
- D. Thiên Trường.

## **II. TỰ LUẬN (5 điểm)**

**Câu 1: (1điểm)** Trình bày đặc điểm khí hậu của lục địa Ô-xtrây-li a.

**Câu 2: (1,5 điểm)**

a. (1 điểm) Phân tích nét đặc sắc sinh vật của lục địa Ô-xtrây-li a.

b. (0,5 điểm) Hãy mô tả kịch bản về sự thay đổi ở châu Nam Cực khi có biến đổi khí hậu toàn cầu?

**Câu 3: (1 điểm)** Trình bày về tư tưởng - tôn giáo dưới thời Trần?

**Câu 4: (1 điểm)** Nêu ý nghĩa lịch sử của ba lần kháng chiến chống quân Mông-Nguyên?

**Câu 5: (0,5 điểm)** Chiến thắng của ba lần chống quân xâm lược Mông-Nguyên đã để lại cho chúng ta bài học gì đối với công cuộc bảo vệ Tổ quốc hiện nay?

Đề: 3

**I. TRẮC NGHIỆM (5 điểm)**

Ghi ra giấy kiểm tra chữ cái đứng trước câu trả lời em cho là đúng:

**Câu 1. Loài vật biểu tượng cho châu Nam Cực là**

- A. hải cẩu.                      B. hải báo.                      C. cá voi xanh.                      D. chim cánh cụt.

**Câu 2. Ai là người đầu tiên tìm ra châu Mĩ?**

- A. David.    B. Michel Owen.  
C. Ma-gien-lăng.                                      D. Cri-xtôp Cô-lôm-bô.

**Câu 3. Năm 2020, tỉ lệ dân thành thị của khu vực Trung và Nam Mĩ chiếm hơn ..... % dân số.**

- A. 70.                                      B. 75.                                      C. 80.                                      D. 85.

**Câu 4. Dân cư Ô-xtrây-li-a tập trung chủ yếu ở khu vực**

- A. Đông Nam.                      B. Tây Nam.                      C. Đông Bắc.                      D. Tây Bắc.

**Câu 5. Việc nghiên cứu châu Nam Cực được tiến hành một cách toàn diện từ năm nào?**

- A. 1956.                                      B. 1957.                                      C. 1958.                                      D. 1959.

**Câu 6. Nhiệt độ thấp nhất đo được ở châu Nam Cực là**

- A. - 88,3°C.                      B. - 90,5°C.                      C. - 94,5°C.                      D. - 100°C.

**Câu 7. Châu Đại Dương bao gồm mấy bộ phận ?**

- A. 2.                                      B. 3.                                      C. 4.                                      D. 5.

**Câu 8. Độ cao trung bình của châu Nam Cực là hơn 2040m, cao nhất trong các châu lục. Nguyên nhân là do**

- A. trên bề mặt châu Nam Cực có các dãy núi cao bậc nhất thế giới.  
B. các mảng kiến tạo xô vào nhau khiến lục địa Nam Cực được nâng cao.  
C. bề mặt châu Nam Cực bị phủ bởi lớp băng dày hàng nghìn mét.  
D. mực nước đại dương bao quanh châu Nam Cực thấp hơn ở các nơi khác.

**Câu 9. Châu Nam Cực có diện tích là**

- A. 10 triệu km<sup>2</sup>.                                      B. hơn 12 triệu km<sup>2</sup>.  
C. hơn 14 triệu km<sup>2</sup>.                                      D. hơn 15 triệu km<sup>2</sup>.

**Câu 10. Sự độc đáo của nền văn hóa Mỹ La-tinh là do**

- A. trung và Nam Mỹ có nhiều nền văn hóa cổ.  
B. du nhập văn hóa châu Âu.  
C. du nhập văn hóa châu Phi.  
D. sự pha trộn nhiều nền văn hóa ở Trung và Nam Mỹ.

**Câu 11. Nhà Hồ thành lập vào thời gian nào?**

- A. 1400.                      B. 1401.                      C. 1406.                      D. 1407.

**Câu 12. Ai là thầy giáo, nhà Nho dưới thời Trần được triều đình trọng dụng nhất?**

- A. Trương Hán Siêu.                      B. Phạm Sư Mạnh  
C. Nguyễn Hiền.                      D. Chu Văn An.

**Câu 13. Quân ta đã hạ thành Ung Châu sau bao nhiêu ngày?**

- A. 42 ngày.                      B. 43 ngày.  
C. 44 ngày.                      D. 45 ngày.

**Câu 14. Khi quân Nguyên tiến vào Thăng Long nhân dân ta đã thực hiện kế hoạch gì?**

- A. Vườn không nhà trống.                      B. Đánh du kích.  
C. Đánh trực tiếp.                      D. Nghi binh.

**Câu 15. Ai đã nhường ngôi cho Trần Cảnh?**

- A. Lý Bí.                      B. Lý Thường Kiệt.  
C. Lý Chiêu Hoàng.                      D. Lý Huệ Tông.

**Câu 16. Tầng lớp đông đảo nhất trong xã hội nhà Trần là**

- A. công nhân                      B. nông dân.  
C. nô tì.                      D. thợ thủ công.

**Câu 17. “Đầu thần chưa rơi xuống đất, xin bệ hạ đừng lo.” là câu nói của ai?**

- A. Trần Thủ Độ.                      B. Trần Hưng Đạo.  
C. Trần Quốc Tuấn.                      D. Trần Quốc Toản.

**Câu 18. Trước thế giặc mạnh, nhà Trần đã rút quân về đâu?**

- A. Hoa Lư.                      B. Cổ Loa.                      C. Thanh Hóa.                      D. Thiên Trường.

**Câu 19. Quốc hiệu nước ta dưới thời nhà Hồ là**

- A. Đại Cồ Việt.                      B. Đại Nam.                      C. Đại Ngu.                      D. Đại Việt.

**Câu 20. Để khích lệ tinh thần chiến đấu của quân sĩ, Lý Thường Kiệt đã làm gì?**

- A. Sáng tác bài thơ “Nam quốc sơn hà”.  
B. Tập chung tiêu diệt nhanh quân Tống  
C. Ban thưởng cho binh lính.  
D. Cấp ruộng đất và vàng bạc cho binh lính.

## **II. TỰ LUẬN (5 điểm)**

**Câu 1: (1điểm)** Trình bày đặc điểm khí hậu của lục địa Ô-xtrây-li a.

**Câu 2: (1,5 điểm)**

a. (1 điểm) Phân tích nét đặc sắc sinh vật của lục địa Ô-xtrây-li a.

b. (0,5 điểm) Hãy mô tả kịch bản về sự thay đổi ở châu Nam Cực khi có biến đổi khí hậu toàn cầu?

**Câu 3: (1 điểm)** Trình bày về tư tưởng - tôn giáo dưới thời Trần?

**Câu 4: (1 điểm)** Nêu ý nghĩa lịch sử của ba lần kháng chiến chống quân Mông-Nguyên?

**Câu 5: (0,5 điểm)** Chiến thắng của ba lần chống quân xâm lược Mông-Nguyên đã để lại cho chúng ta bài học gì đối với công cuộc bảo vệ Tổ quốc hiện nay?

Đề: 4

**I. TRẮC NGHIỆM (5 điểm)**

Ghi ra giấy kiểm tra chữ cái đứng trước câu trả lời em cho là đúng:

**Câu 1. Nhiệt độ thấp nhất đo được ở châu Nam Cực là**

- A. - 88,3<sup>0</sup>C.                      B. - 90,5<sup>0</sup>C.                      C. - 94,5<sup>0</sup>C.                      D. - 100<sup>0</sup>C.

**Câu 2. Châu Đại Dương bao gồm mấy bộ phận ?**

- A. 2.                                  B. 3.                                  C. 4.                                  D. 5.

**Câu 3. Độ cao trung bình của châu Nam Cực là hơn 2040m, cao nhất trong các châu lục. Nguyên nhân là do**

- A. trên bề mặt châu Nam Cực có các dãy núi cao bậc nhất thế giới.  
B. các mảng kiến tạo xô vào nhau khiến lục địa Nam Cực được nâng cao.  
C. bề mặt châu Nam Cực bị phủ bởi lớp băng dày hàng nghìn mét.  
D. mực nước đại dương bao quanh châu Nam Cực thấp hơn ở các nơi khác.

**Câu 4. Năm 2020, tỉ lệ dân thành thị của khu vực Trung và Nam Mỹ chiếm hơn ..... % dân số.**

- A. 70.                                  B. 75.                                  C. 80.                                  D. 85.

**Câu 5. Dân cư Ô-xtrây-li-a tập trung chủ yếu ở khu vực**

- A. Đông Nam.                      B. Tây Nam.                      C. Đông Bắc.                      D. Tây Bắc.

**Câu 6. Việc nghiên cứu châu Nam Cực được tiến hành một cách toàn diện từ năm nào?**

- A. 1956.                                  B. 1957.                                  C. 1958.                                  D. 1959.

**Câu 7. Ai là người đầu tiên tìm ra châu Mĩ?**

- A. David.                                  B. Michel Owen.  
C. Ma-gien-lăng.                      D. Cri-xtôp Cô-lôm-bô.

**Câu 8. Châu Nam Cực có diện tích là**

- A. 10 triệu km<sup>2</sup>.                      B. hơn 12 triệu km<sup>2</sup>.  
C. hơn 14 triệu km<sup>2</sup>.                      D. hơn 15 triệu km<sup>2</sup>.

**Câu 9. Sự độc đáo của nền văn hóa Mỹ La-tinh là do**

- A. trung và Nam Mỹ có nhiều nền văn hóa cổ.  
B. du nhập văn hóa châu Âu.  
C. du nhập văn hóa châu Phi.  
D. sự pha trộn nhiều nền văn hóa ở Trung và Nam Mỹ.

**Câu 10. Loài vật biểu tượng cho châu Nam Cực là**

- A. hải cẩu.                                  B. hải báo.                                  C. cá voi xanh.                      D. chim cánh cụt.

**Câu 11. “Đầu thần chưa rơi xuống đất, xin bệ hạ đừng lo” là câu nói của ai?**

A. Trần Thủ Độ.

B. Trần Hưng Đạo.

C. Trần Quốc Tuấn.

D. Trần Quốc Toản.

**Câu 12. Khi quân Nguyên tiến vào Thăng Long nhân dân ta đã thực hiện kế hoạch gì?**

A. Vườn không nhà trống.

B. Đánh du kích.

C. Đánh trực tiếp.

D. Nghi binh.

**Câu 13. Trước thế giặc mạnh nhà Trần đã rút quân về đâu?**

A. Hoa Lư.

B. Cổ Loa.

C. Thanh Hóa.

D. Thiên Trường.

**Câu 14. Nhà Hồ thành lập vào thời gian nào?**

A. 1400.

B. 1401.

C. 1406.

D. 1407.

**Câu 15. Quốc hiệu nước ta dưới thời nhà Hồ là**

A. Đại Cồ Việt.

B. Đại Nam.

C. Đại Ngu.

D. Đại Việt.

**Câu 16. Quân ta đã hạ thành Ung Châu sau bao nhiêu ngày?**

A. 42 ngày.

B. 43 ngày.

C. 44 ngày.

D. 45 ngày.

**Câu 17. Để khích lệ tinh thần chiến đấu của quân sĩ, Lý Thường Kiệt đã làm gì?**

A. Sáng tác bài thơ “Nam quốc sơn hà”.

B. Tập chung tiêu diệt nhanh quân Tống

C. Ban thưởng cho binh lính.

D. Cấp ruộng đất và vàng bạc cho binh lính.

**Câu 18. Ai đã nhường ngôi cho Trần Cảnh?**

A. Lý Bí.

B. Lý Thường Kiệt.

C. Lý Chiêu Hoàng.

D. Lý Huệ Tông.

**Câu 19. Tầng lớp đông đảo nhất trong xã hội nhà Trần là**

A. công nhân

B. nông dân.

C. nô tì.

D. thợ thủ công.

**Câu 20. Ai là thầy giáo, nhà Nho dưới thời Trần được triều đình trọng dụng nhất?**

A. Trương Hán Siêu.

B. Phạm Sư Mạnh

C. Nguyễn Hiền.

D. Chu Văn An.

**II. TỰ LUẬN (5 điểm)**

**Câu 1: (1điểm)** Trình bày đặc điểm khí hậu của lục địa Ô-xtrây-li a.

**Câu 2: (1,5 điểm)**

a. (1 điểm) Phân tích nét đặc sắc sinh vật của lục địa Ô-xtrây-li a.

b. (0,5 điểm) Hãy mô tả kịch bản về sự thay đổi ở châu Nam Cực khi có biến đổi khí hậu toàn cầu?

**Câu 3: (1 điểm)** Trình bày về tư tưởng - tôn giáo dưới thời Trần?

**Câu 4: (1 điểm)** Nêu ý nghĩa lịch sử của ba lần kháng chiến chống quân Mông-Nguyên?

**Câu 5: (0,5 điểm)** Chiến thắng của ba lần chống quân xâm lược Mông-Nguyên đã để lại cho chúng ta bài học gì đối với công cuộc bảo vệ Tổ quốc hiện nay?

----- HẾT -----



**I. TRẮC NGHIỆM (5,0 điểm/20 câu):** Mỗi câu đúng được 0,25 điểm

| <b>ĐỀ 1</b>   |           |           |           |           |           |           |           |           |           |           |
|---------------|-----------|-----------|-----------|-----------|-----------|-----------|-----------|-----------|-----------|-----------|
| <b>Câu</b>    | <i>1</i>  | <i>2</i>  | <i>3</i>  | <i>4</i>  | <i>5</i>  | <i>6</i>  | <i>7</i>  | <i>8</i>  | <i>9</i>  | <i>10</i> |
| <b>Đáp án</b> | <b>C</b>  | <b>B</b>  | <b>C</b>  | <b>D</b>  | <b>D</b>  | <b>C</b>  | <b>A</b>  | <b>A</b>  | <b>C</b>  | <b>D</b>  |
| <b>Câu</b>    | <i>11</i> | <i>12</i> | <i>13</i> | <i>14</i> | <i>15</i> | <i>16</i> | <i>17</i> | <i>18</i> | <i>19</i> | <i>20</i> |
| <b>Đáp án</b> | <b>A</b>  | <b>A</b>  | <b>C</b>  | <b>B</b>  | <b>D</b>  | <b>A</b>  | <b>A</b>  | <b>D</b>  | <b>A</b>  | <b>C</b>  |

| <b>ĐỀ 2</b>   |           |           |           |           |           |           |           |           |           |           |
|---------------|-----------|-----------|-----------|-----------|-----------|-----------|-----------|-----------|-----------|-----------|
| <b>Câu</b>    | <i>1</i>  | <i>2</i>  | <i>3</i>  | <i>4</i>  | <i>5</i>  | <i>6</i>  | <i>7</i>  | <i>8</i>  | <i>9</i>  | <i>10</i> |
| <b>Đáp án</b> | <b>D</b>  | <b>C</b>  | <b>A</b>  | <b>A</b>  | <b>C</b>  | <b>D</b>  | <b>C</b>  | <b>B</b>  | <b>C</b>  | <b>D</b>  |
| <b>Câu</b>    | <i>11</i> | <i>12</i> | <i>13</i> | <i>14</i> | <i>15</i> | <i>16</i> | <i>17</i> | <i>18</i> | <i>19</i> | <i>20</i> |
| <b>Đáp án</b> | <b>A</b>  | <b>B</b>  | <b>A</b>  | <b>D</b>  | <b>C</b>  | <b>A</b>  | <b>C</b>  | <b>A</b>  | <b>A</b>  | <b>D</b>  |

| <b>ĐỀ 3</b>   |           |           |           |           |           |           |           |           |           |           |
|---------------|-----------|-----------|-----------|-----------|-----------|-----------|-----------|-----------|-----------|-----------|
| <b>Câu</b>    | <i>1</i>  | <i>2</i>  | <i>3</i>  | <i>4</i>  | <i>5</i>  | <i>6</i>  | <i>7</i>  | <i>8</i>  | <i>9</i>  | <i>10</i> |
| <b>Đáp án</b> | <b>D</b>  | <b>D</b>  | <b>C</b>  | <b>A</b>  | <b>B</b>  | <b>C</b>  | <b>A</b>  | <b>C</b>  | <b>C</b>  | <b>D</b>  |
| <b>Câu</b>    | <i>11</i> | <i>12</i> | <i>13</i> | <i>14</i> | <i>15</i> | <i>16</i> | <i>17</i> | <i>18</i> | <i>19</i> | <i>20</i> |
| <b>Đáp án</b> | <b>A</b>  | <b>D</b>  | <b>A</b>  | <b>A</b>  | <b>C</b>  | <b>B</b>  | <b>A</b>  | <b>D</b>  | <b>C</b>  | <b>A</b>  |

| <b>ĐỀ 4</b>   |           |           |           |           |           |           |           |           |           |           |
|---------------|-----------|-----------|-----------|-----------|-----------|-----------|-----------|-----------|-----------|-----------|
| <b>Câu</b>    | <i>1</i>  | <i>2</i>  | <i>3</i>  | <i>4</i>  | <i>5</i>  | <i>6</i>  | <i>7</i>  | <i>8</i>  | <i>9</i>  | <i>10</i> |
| <b>Đáp án</b> | <b>C</b>  | <b>A</b>  | <b>C</b>  | <b>C</b>  | <b>A</b>  | <b>B</b>  | <b>D</b>  | <b>C</b>  | <b>D</b>  | <b>D</b>  |
| <b>Câu</b>    | <i>11</i> | <i>12</i> | <i>13</i> | <i>14</i> | <i>15</i> | <i>16</i> | <i>17</i> | <i>18</i> | <i>19</i> | <i>20</i> |
| <b>Đáp án</b> | <b>A</b>  | <b>A</b>  | <b>D</b>  | <b>A</b>  | <b>C</b>  | <b>A</b>  | <b>A</b>  | <b>C</b>  | <b>B</b>  | <b>D</b>  |

**II. TỰ LUẬN (5 điểm)**

| <b>Câu</b>        | <b>Nội dung</b>   | <b>Thang điểm</b> |
|-------------------|---|-------------------|
| <b>Câu 1 (1đ)</b> | <b>Trình bày đặc điểm khí hậu của lục địa Ô-xtrây-li a.</b>   |                   |
|                   | + Phần lớn diện tích lục địa Ô-xtrây-li-a có khí hậu khô hạn và phân bố từ bắc xuống nam.                                     | <b>0,5</b>        |
|                   | + Các đới khí hậu còn phân hóa thành các kiểu, trong đó kiểu khí hậu nhiệt đới khô và kiểu khí hậu lục địa phân bố rộng nhất. | <b>0,25</b>       |
|                   | + Khí hậu còn phân hóa theo từ đông sang tây.   | <b>0,25</b>       |

|                                       |  |   |
|---------------------------------------|--|---|
| <p><b>Câu 2</b><br/><b>(1,5đ)</b></p> | <p><b>a, Nét đặc sắc sinh vật của lục địa Ô-xtrây-li a.</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Giới sinh vật tuy nghèo về thành phần loài nhưng có nhiều nét đặc sắc và mang tính địa phương cao (chiếm 75%).</li> <li>+ Các loài thực vật bản địa nổi bật là bạch đàn, hoa keo vàng. Riêng bạch đàn có tới 600 loài khác nhau.</li> <li>+ Giới động vật vô cùng độc đáo và đặc sắc với hơn 100 loài thú có túi, chuột túi, thú mỏ vịt, đà điểu Ô-xtrây-li a...</li> </ul> <p><b>b. Mô tả kịch bản về sự thay đổi châu Nam Cực khi có biến đổi khí hậu toàn cầu:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhiệt độ tăng, lượng mưa cũng tăng, mực nước biển dâng.</li> <li>- Nhiều hệ sinh thái mất đi nhưng lại xuất hiện nhiều đồng cỏ ở ven biển.</li> <li>- Lớp băng phủ ở vùng trung tâm dày lên do nước mưa cung cấp.</li> </ul> | <p><b>0,5</b></p> <p><b>0,25</b></p> <p><b>0,25</b></p> <p><b>0,5</b></p>   |
| <p><b>Câu 3</b><br/><b>(1đ)</b></p>   | <p><b>* Tư tưởng- tôn giáo dưới thời Trần:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thời Trần, Nho giáo, Phật giáo và Đạo giáo đều được coi trọng.</li> <li>+ Nho giáo được nâng cao vị thế</li> <li>+ Phật giáo được cả vua, quý tộc và nhân dân tôn sùng.</li> </ul>   | <p><b>0,5</b></p> <p><b>0,25</b></p> <p><b>0,25</b></p>                     |
| <p><b>Câu 4</b><br/><b>(1đ)</b></p>   | <p><b><i>Ý nghĩa lịch sử của ba lần kháng chiến chống quân Mông-Nguyên:</i></b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đập tan tham vọng và ý chí xâm lược của quân Mông-Nguyên, bảo vệ độc lập dân tộc</li> <li>- Góp phần xây đắp truyền thống và nghệ thuật quân sự Việt Nam</li> <li>- Để lại nhiều bài học vô cùng quý giá</li> </ul> <p>Ngăn chặn những cuộc xâm lược của quân Nguyên đối với các nước khác</p>  | <p><b>0,25</b></p> <p><b>0,25</b></p> <p><b>0,25</b></p> <p><b>0,25</b></p> |
| <p><b>Câu 5</b><br/><b>(0,5)</b></p>  | <p><b>* Bài học:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chăm lo sức dân</li> <li>- Củng cố khối đoàn kết dân tộc</li> <li>- Phát huy sức mạnh toàn dân</li> </ul>  | <p><b>0,5</b></p>   |

**BGH DUYỆT**

**TỔ TRƯỞNG**

**NTCM**

**GV RA ĐỀ**

**Đỗ Thị Phương Mai Nguyễn Thị Vân Nguyễn Thị Vân**